TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2021/HS-ST
Ngày 21-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Anh Nhất
2. Ông Lê Đức Cường
***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 04/2021/QĐXXST-HS ngày 06/01/2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn N, sinh năm 1987 tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; trú tại: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị V1; không xác định được cha; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Năm 2013 Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội phạt 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tháng 10 năm 2014 chấp hành án xong hình phạt tù.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 13/8/2020 đến ngày 22/8/2020 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Nguyễn Trọng H, sinh năm 1991 tại xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; trú tại: Thôn T2, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ông Nguyễn Trọng H; con bà Bùi Thị H2; có vợ nhưng đã ly hôn và 01 con, sinh năm 2015

Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân:

- Năm 2012 Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa phạt 36 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tháng 02 năm 2014 chấp hành án xong hình phạt tù.

- Năm 2016 Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa phạt 30 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy. Tháng 2 năm 2018 chấp hành án xong hình phạt tù.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/8/2020 đến ngày 22/8/2020 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nông Cống; có mặt.

3. Viên Đình C, sinh năm 1987 tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; trú tại: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Viên Đình N1; con bà: Tô Thị L; chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 156/2019/HSST ngày 27/9/2019 Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội phạt 06 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản". Ngày 15/12/2019 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/8/2020 đến ngày 22/8/2020 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nông Cống; có mặt.

4. Nguyễn Văn D, sinh năm 1979 tại xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; trú tại: Thôn T2, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H3 (đã chết), con bà Lê Thị D1; có vợ Lê Thị T3 và 2 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền sự, tiền án: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/8/2020 đến ngày 22/8/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Bị hại:

1. Công ty Cổ phần xây dựng thương mại, tổng hợp Đ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Xuân G, sinh năm 1976 - Giám đốc Công ty.

Người được ủy quyền: Ông Phan Văn H4, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

(Theo giấy ủy quyền ngày 12/8/2020)

2. Ông Đỗ Viết N2, sinh năm 1983(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Người làm chứng.

1. Anh Nguyễn Trọng H1, sinh năm 1968(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T2, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Mạch Thị T4, sinh năm 1980(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

3. Chị Lê Thị T3, sinh năm 1987(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T2, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hành vi thứ nhất: Đêm ngày mùng 9, rạng sáng ngày 10/8/2020 Lê Văn N và Viên Đình C ở thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cùng đi xe mô tô hiệu Yamaha Sirus BKS: 29M8-4164 đến xã B chơi thì gặp Nguyễn Trọng H và Nguyễn Văn D cùng ở thôn T2, xã T1, huyện N đang đi xe mô tô hiệu Honda Vision BKS: 36B7-052.01. Gặp nhau, N rủ cả nhóm đi trộm cắp tài sản, cả nhóm đồng ý và cùng nhau đến công trình xây dựng của Công ty Cổ phần xây dựng thương mại, tổng hợp Đ do anh Phan Văn H4 quản lý. Đến nơi, H và C đứng ngoài canh gác; N và D vào lấy 04 tấm cốt pha bằng sắt có chiều dài 3m, rộng 70cm đưa ra đặt lên mỗi xe 02 tấm. H chở D, C chở N ôm các tấm cốt pha vừa lấy được đi đến cửa hàng mua bán phế liệu của anh Trịnh Xuân H3 chị Mạch Thị T4 ở thôn A, xã T, huyện N để bán. Đến nơi gia đình anh H3 đang ngủ, các bị cáo gọi anh H3 dậy để bán. Anh H3 từ chối vì đêm khuya nhưng các bị cáo nói đã đem đến rồi thì nhờ chú mua giúp. Anh H3 kiểm tra 4 tấm cốt pha, thấy đã qua sử dụng nên đồng ý mua theo giá mua phế liệu. 4 tấm cốt pha cân được 216kg x 5.000đ/1kg = 1.080.000đ. Số tiền bán được các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Anh Phan Văn H4 báo cáo: Đêm mùng 9, rạng sáng ngày 10/8/2020 tại công trình xây dựng của Công ty ở thôn B, xã T5 do anh quản lý bị mất trộm 04 tấm cốt pha bằng sắt, dài 3m rộng 70cm,trị giá 4.000.000đ. Ngày 20/8/2020 Hội đồng định giá tài sản huyện Nông Cống đã định giá 4 tấm cốt pha là 3.200.000đ. Anh đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng và yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho Công ty.

Hành vi thứ 2: Đêm 11 rạng sáng ngày 12/8/2020 Lê Văn N khiển xe mô tô BKS: 29M8-4164 mượn của Viên Đình C đến nhà H chơi thì gặp D. H rủ N và D đi trộm cắp tài sản. Nc và D đồng ý. D điều khiển xe mô tô BKS: 36B7-052.01 chở H, còn Nc đi xe mượn của C đến công trình đang xây dựng của anh Đỗ Viết N2 ở thôn A, xã T5, huyện N. Đến nơi, D ở ngoài trông xe và cảnh giới, N và H đi vào lấy 02 cuộn sắt phi 6, mỗi người lăn một cuộn ra xe, rồi cả ba bốc đặt lên xe BKS: 36B7-052.01 để H chở, còn D và N đi xe BKS: 29M8-4164 về nhà H. Cả 3 đưa sắt lên cân được 160kg. N gọi ông Nguyễn Trọng H1 (bố của Hòa) dậy và nói: Cho cháu bán ít sắt, ông H1 hỏi sắt của ai thì N trả lời là của nhà làm thừa nên mang đi bán. Nghe nói vậy, ông H1 đồng ý mua và đưa cho N 1.000.000đ. Sau khi bán được 02 cuộn sắt cho ông H1, D về nhà, còn H và N tiếp tục quay lại công trình xây dựng của anh N2 lấy thêm 01 tấm cốt pha bằng sắt, dài khoảng 3m, rộng 50cm; 01 quạt điện cây màu xanh, 01 ấm điện đun nước siêu tốc. Cả 2 chở về quán cà phê nhà H cất giấu, sau đó tiếp tục quay lại lấy thêm 10 tấm cốt pha bằng sát dài khoảng 1,2m, rộng 50cm đặt lên xe rồi H chở N cùng tài sản lấy được về quán cà phê và N xuống bê 01 tấm cốt pha đã lấy trước đó lên xe. Cả hai chở 11 tấm cốt pha đến nhà chị Mạch Thị T4 để bán. Chị T4 đồng ý mua 10 tấm cốt pha nhỏ nặng 100kg = 500.000đ; 01 tấm cốt pha to nặng 54kg = 270.000đ. Sau khi bán xong, N và H về nhà H ngủ. Số tiền bán được, cả hai tiêu xài cá nhân hết.

Anh Đỗ Viết N2 báo cáo: Đêm 11/8/2020 tại công trình xây dựng của anh ở thôn A, xã T5 kị kẻ gian vào trộm cắp tài sản gồm: 02 cuộn sắt Phi 6 nặng khoảng 150kg; 01 quạt điện; 01 ấm điện siêu tốc; 10 tấm cốt pha bằng sắt dài 1,2m, rộng 50cm; 01 tấm cốt pha dài 3m, rộng 50cm; 19 thanh sắt phi 10. Ngày 24/8/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã trả lại cho anh gồm: 03 cuộn sắt phi 6, 01 ấm đun nước siêu tốc, 01 quạt cây và 19 thanh sắt phi 10. Đối với 11 tấm cốt pha anh chưa nhận lại, anh yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho anh là 2.300.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 30/ĐGTS ngày 20/8/2020, Hội đồng định giá tài sản huyện Nông Cống, kết luận:

* Tài sản trộm cắp rạng sáng ngày 10/8/2020, gồm 04 tấm cốt pha bằng sắt dài 3m, rộng 70cm tổng trọng lượng 216kg có giá **3.200.000đ.**

* Tài sản trộm cắp đêm ngày 11, rạng sáng ngày 12/8/2020, gồm:

- 01 ấm điện siêu tốc màu xanh có giá 100.000đ;

- 01 quạt cây màu xanh hiệu ASIA Vina có giá 350.000đ;

- 10 tấm sắt sử dụng làm cốt pha xây dựng dài 1,2m, rộng 50cm có giá 1.500.000đ;

- 01 tấm sắt sử dụng làm cốt pha xây dựng dài 3m, rộng 50cm có giá 800.000đ;

- 03 cuộn sắt Phi 6 còn mới, tổng trọng lượng 159 kg có giá 1.908.000đ;

- 19 thanh sắt phi 10 trọng lượng 30kg có giá 360.000đ.

Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là **5.018.000đ.**

Ngày 13/8/202020 N, H, C và D đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội. Nguyễn Văn D giao nộp 01 xe mô tô hiệu Honda Vision BKS: 36B7-052.01; Nguyễn Trọng H giao nộp 01 ấm siêu tốc và 01 quạt cây;

Đối với ông Nguyễn Trọng H1 đã mua 02 cuộn sắt của N với giá 1.000.000đ, cuộn to ông đã cắt thành 02 cuộn nhỏ để thuận lợi cho việc di chuyển. Sau khi ông được thông báo tài sản ông mua là do trộm cắp mà có nên ông đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống gồm 03 cuộn sắt phi 6 và 01 chiếc kìm cắt sắt. Ngày 25/8/2020 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc kìm sắt cho ông. Số tiền 1.000.000đ mà ông đã mua sắt của N, nay ông không yêu cầu N phải trả lại cho ông.

Đối với anh Trịnh Xuân H3 và chị Mạch Thị T4 đã mua tổng 15 tấm cốt pha làm bằng sắt của các bị cáo. Sau khi mua, chị T4 đã bán lại cho cơ sở thu mua phế liệu khác nên không còn để giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống. Đối với 19 thanh sắt phi 10 chị T4 đã mua của 01 người thanh niên không quen biết vào sáng ngày 12/8/2020 chị T4 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision BKS: 36B7-052.01 D đã sử dụng đi trộm cắp tài sản là xe của chị Lê Thị T3 (vợ Dũng). Chị T3 không biết việc D

dùng xe của chị đi trộm cắp tài sản nên ngày 24/8/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã trả lại xe cho chị T3.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirus BKS: 29M8-4164 C đã sử dụng đi trộm cắp tài sản là xe của anh Viên Đình K (anh trai C). Do xe đã cũ, bị hư hỏng nhiều nên ngày 13/8/2020 anh K đã bán cho người thu mua sắt vụn qua đường không quen biết.

Đối với 15 tấm cốt pha làm bằng sắt mà anh H3, chị T4 đã mua của các bị cáo. Anh H3, chị T4 đã bán lại cho chị Nguyễn Thị H5 ở xã T5, huyện N là người thu mua phế liệu. Chị H5 đã bán cho những người thu mua khác không xác định được địa chỉ, do vậy không thu giữ được.

Quá trình điều tra các bị cáo không thừa nhận đã lấy 19 thanh sắt phi 10 của anh N2. Chị T4 báo cáo chị mua 19 thanh sắt phi 10 của 01 người đàn ông không quen biết. Do vậy, không có căn cứ xác định các bị cáo đã trộm cắp19 thanh sắt phi 10 của anh N2.

Đối với Nguyễn Văn D cùng đồng phạm thực hiện trộm cắp 02 cuộn sắt phi 6 trị giá 1.908.000đ, chưa đủ định lượng để xử lý hình sự. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã ra Quyết định xử lý hành chính đối với D.

Tại bản Cáo trạng số 73/CT-VKS ngày 24/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Trọng H, Viên Đình C, Nguyễn Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống trình bày quan điểm luận tội giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với từng bị cáo như sau: Đối với bị cáo H và bị cáo N: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáoH mức án từ 18 đến 24 tháng tù. Bị cáo Ntừ 15 đến 21 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với bị cáo C xử phạt bị cáo mức án từ 12 đến 18 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS đối với bị cáo D xử phạt bị cáo mức án từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo; về trách nhiệm dân sự buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại; ghi nhận bị cáo D, bị cáo C đã nộp 1.000.000đ bồi thường cho bị hại; về án phí các bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, hứa sửa chữa và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Cống, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong phạm vi những nội dung Tòa án xét là hợp pháp

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cùng vật chứng vụ án. Như vậy, đủ cơ sở chứng minh:

Hành vi thứ nhất: Đêm mùng 9, rạng sáng ngày 10/8/2020 tại thôn A, xã T5, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, các bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Trọng H, Viên Đình C và Nguyễn Văn D đã có hành vi lén lút trộm cắp 4 tấm cốt pha xây dựng bằng sắt của Công ty cổ phần xây dựng thương mại, tổng hợp Đ bán cho anh Trịnh Xuân H3 và chị Mạch Thị T4 cơ sở mua bán phế liệu tại thôn B, xã T, huyện N với giá 1.080.000đ. Số tiền bán được từ tài sản trộm cắp các bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 20/8/2020 Hội đồng định giá tài sản huyện Nông Cống đã định giá 4 tấm cốt pha xây dựng bằng sắt do các bị cáo trộm cắp trị giá 3.200.000đ.

Hành vi thứ 2: Đêm 11 rạng sáng 12/8/2020 tại thôn Thái Lai, xã Thăng Bình, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, các bị cáo Nguyễn Trọng Hòa, Lê Văn Ngọc và Nguyễn Văn Dũng đã có hành vi lén lút trộm cắp 160kg sắt phi 6 của anh Trịnh Xuân Ngãi bán cho ông Nguyễn Trọng Hiên ở thôn Thọ Thượng, xã Thăng Thọ, huyện Nông Cống 1.000.000đ Số tiền bán được từ tài sản trộm cắp các bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 20/8/2020 Hội đồng định giá tài sản huyện Nông Cống đã định giá kết luật giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 1.908.000đ.

Hành vi thứ 3: Cùng đêm 11 rạng sáng 12/8/2020 tại thôn A, xã T5 huyện N, tỉnh Thanh Hóa, sau khi các bị cáo Nguyễn Trọng H, Lê Văn N và Nguyễn Văn D thực hiện xong hành vi trộm cắp 160kg sắt phi 6 của anh N2. D về nhà còn các bị cáo H và Ntiếp tục quay lại công trình xây dựng của anh N2 thực hiện hành vi trộm cắp 01 tấm cốt pha xây dựng bằng sắt, dài khoảng 3m, rộng 50cm; 10 tấm cốt pha bằng sát dài khoảng 1,2m, rộng 50cm; 01 quạt điện cây màu xanh, 01 ấm điện đun nước siêu tốc. Các bị cáo đem bán 11 tấm cốt pha cho chị Mạch Thị T4 ở thôn A, xã T, huyện N được 770.000đ.

Ngày 20/8/2020 Hội đồng định giá tài sản huyện Nông Cống đã định giá kết luật giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp: 11 tấm cốt pha xây dựng bằng sắt là 2.300.000đ; 01 quạt điện cây màu xanh 350.000đ; 01 ấm điện đun nước siêu tốc 100.000đ.

Giá trị tài sản mà các bị cáo trộm cắp thuộc định lượng quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống truy tố bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Trọng H, Viên Đình C và Nguyễn Văn D về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội như sau: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự để giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho bị cáo và răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò đồng phạm: Các bị cáo thực hiện tội phạm với hình thức đồng phạm giản đơn, Bị cáo N và bị cáo H là người khởi xướng, xếp vai trò thứ nhất; bị cáo C, Dlà người thực hành xếp vai trò thứ 2.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo: Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo H, N có chung tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; bị cáo C phạm tội khi chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều có chung tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo D, Có chung tình tiết giảm nhẹ bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo Dcó thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS; về nhân thân: Các bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Trọng H, Viên Đình C là người có nhân thân xấu; bị cáo D không có tiền án, tiền sự là người có nhân thân tốt.

[6] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo và để đáp ứng nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn hiện nay nhất là nhóm tội xâm phạm quyền sở hữu tài sản góp phần ổn định địa bàn dân cư; HĐXX xét thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo N, H, C khỏi đời sống xã hội một thời gian với điều kiện cải tạo, lao động nghiêm khắc theo quy chế trại giam để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người tốt có ích cho bản thân, gia đình, xã hội đồng thời góp phần răn đe giáo dục phòng ngừa chung là phù hợp với quy định tại Điều 38 BLHS. Đối với bị cáo D có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định nên không cần cách ly khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt là phù hợp với Điều 65 BLHS.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường giá trị tài sản cho bị hại. Ghi nhận bị cáo D và bị cáo C đã tự nguyện bồi thường trước cho Công ty cổ phần xây dựng thương mại, tổng hợp Đ mỗi người 1.000.000đ tại Chi cục THADS huyện Nông Cống.

[9] Về án phí: Các bị cáo có tội, bị kết án và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo N, H phải bồi thường nên phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Trọng H, Viên Đình C và Nguyễn Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản",

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với đối với bị cáo N và bị cáo H:

- Xử phạt bị cáo Lê Văn N 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày tạm giữ (13/8/2020).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng H 17 (mười bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày tạm giữ (13/8/2020).

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 BLHS.

- Xử phạt bị cáo Viên Đình C 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày tạm giữ (13/8/2020).

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 21/01/2021.

Giao bị cáo Nguyễn Văn D cho UBND xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 587; khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo: Lê Văn N, Nguyễn Trọng H, Viên Đình C và Nguyễn Văn D phải liên đới bồi thường cho Công ty Cổ phần xây dựng thương mại, tổng hợp Đ 3.200.000đ. Ghi nhận bị cáo D và bị cáo C đã tự nguyện nộp mỗi bị cáo 1.000.000đ để bồi thường cho Công ty cổ phần xây dựng thương mại, tổng hợp Đ theo biên lai thu số AA/20150001884 và biên lai thu số AA/20150001885ngày 20/01/2021 của Chi cục THADS huyện Nông Cống. Số tiền bồi thường còn lại 1.200.000đ buộc bị cáo: Lê Văn N và Nguyễn Trọng H phải liên đới bồi thường cho Công ty cổ phần xây dựng thương mại, tổng hợp Đ; cụ thể bị cáo N 600.000đ; bị cáo H 600.000đ. Buộc các bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Trọng Hphải liên đới bồi thường cho anh Đỗ Viết N2 2.300.000đ. Cụ thể bị cáo H 1.150.000đ, bị cáo N 1.150.000đ.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Cơ quan Thi hành án đã ra quyết định thi hành nếu người phải thi hành

án không nộp đủ số tiền thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội:

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST; bị cáo N và bị cáo H mỗi người phải nộp 300.000đ án phí DSST.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải Thi hành án dân sự có quyền tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo
- Bị hại;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ, văn thư;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình